VN-Index kiểm định 1,700, rủi ro giảm tiếp còn hiện hữu

Thứ Ba, Ngày 3 Tháng 11 Năm 2026 · BSC Research

VN-INDEX	VN30	HNX-INDEX	UPCOM-INDEX
1,699.62	1,815.60	251.42	122.05
▼ -11.10 (-0.65%)	▲ +2.19 (+0.12%)	▲ +0.87 (+0.35%)	▲ +0.10 (+0.08%)

GTKL (TỶ)	SO TB20	NN (TỶ)	GTKL (TỶ)	SO TB20	BIÊN ĐỘ	GTKL (TỶ)	SO TB20	NN (TỶ)	GTKL (TỶ)	SO TB20	NN (TỶ)
10,496	-16.8%	-502.4	6,296	-13.0%	26.01	502	-29.1%	+7.1	263	-43.9%	-2.5

Nhận định thị trường

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giảm hơn 11 điểm trong phiên hôm nay và đóng cửa tại 1,699.62 điểm. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 9/18 ngành tăng điểm, trong đó Tài nguyên cơ bản tăng mạnh hơn 3%. Ở chiều ngược lại, Truyền thông và Bảo hiểm giảm khoảng 5%. Về giao dịch của khối ngoại, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng trên HSX và UPCOM, trong khi mua ròng trên HNX. Đà giảm trong phiên hôm nay chủ yếu đến từ áp lực tại cổ phiếu VIC, tuy nhiên VN-Index nhìn chung vẫn đang vận động trong xu hướng điều chỉnh từ ngưỡng 1,780 điểm. Trong những phiên tới, nhà đầu tư cần lưu ý khả năng chỉ số tiếp tục lùi về kiểm định vùng đáy gần nhất quanh 1,689 điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL VN30 đều tăng nhẹ theo chỉ số VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 03/11/2026, các chứng quyền giao dịch giằng co, đồng pha với xu hướng của các cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn

- VN-Index **-11.10** điểm, đóng cửa tại 1,699.62 điểm. HNX-Index **+0.87** điểm, đóng cửa tại 251.42 điểm. UPCoM-Index **+0.10** điểm, đóng cửa tại 122.05 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: HPG (**+1.57**), STB (**+0.60**), HVN (**+0.51**), CTG (**+0.49**), GVR (**+0.43**).
- Kéo chỉ số giảm: VIC (**-12.85**), BSR (**-0.81**), GAS (**-0.79**), VPB (**-0.72**), BVH (**-0.57**).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 10,496 tỷ đồng, giảm 34.05% so với phiên trước và thấp hơn 16.8% so với trung bình 20 phiên. Tổng giá trị giao dịch đạt 13,063 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 16.8 điểm. Sàn HOSE có 152 mã tăng (2 mã trần), 113 mã tham chiếu, 137 mã giảm (5 mã sàn).
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-502.42** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm MBB (**-254.90** tỷ), VCB (**-219.14** tỷ), VIC (**-114.49** tỷ), GMD (**-74.24** tỷ), BID (**-65.25** tỷ). Đây là phiên bán ròng thứ 8 liên tiếp; luỹ kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng **-122,931** tỷ đồng trên HOSE.
- Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **+7.14** tỷ đồng và bán ròng trên sàn UPCoM với giá trị **-2.52** tỷ đồng.

Giao dịch khối ngoại

CẢ 3 SÀN

TOP MUA	TỶ VND	TOP BÁN	TỶ VND
HPG	227.18	MBB	-254.90
SHB	125.37	VCB	-219.14
VHM	119.14	VIC	-114.49
TCB	103.86	GMD	-74.24
VIB	47.50	BID	-65.25

HOSE luỹ kế năm: **-122,931** tỷ 8 phiên bán ròng liên tiếp

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

	ĐIỂM	%D	%W
SPX	7,541	-0.51%	-1.76%
FTSE100	10,761	+0.29%	-0.06%
Eurostoxx	6,176	+0.73%	+0.98%
Shanghai	3,608	-0.82%	-1.10%
Nikkei	63,082	-0.33%	+1.43%

Nguồn: Yahoo Finance, BSC tổng hợp

Liên thị trường

	GIÁ TRỊ	%D	%W
Giá dầu Brent	106.37	+1.53%	-6.59%
Giá vàng	3,904	-1.07%	-3.84%
USD/VND	25,759	-0.09%	-0.29%
EUR/VND	28,815	-0.09%	+0.28%
JPY/VND	163	-0.20%	-0.36%
VN LS TPCP 10Y	4.47%	+0.2 bps	+0.2 bps
VN LS LNH 1M	5.65%	+35.0 bps	+35.0 bps

Nguồn: Bloomberg, BSC tổng hợp. Lãi suất: thay đổi theo điểm cơ bản.

Mở tài khoản tại BSC

Quét mã QR để mở tài khoản chứng khoán trực tuyến.

Mục lục

Tổng quan 1
Thống kê thị trường 2
Biểu đồ & dòng tiền 3
Danh mục BSC30 4
Danh mục BSC50 5
Báo cáo gần đây 6
Khuyến cáo sử dụng 7

Thống kê thị trường

Top 5 tác động tăng VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
HPG	21.25	+4.17%	+1.57	32.66
STB	66.60	+2.30%	+0.60	5.54
HVN	21.00	+3.70%	+0.51	0.73
CTG	30.05	+1.01%	+0.49	6.49
GVR	29.60	+1.72%	+0.43	1.06

Top 5 tác động giảm VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIC	234.00	-3.31%	-12.85	1.92
BSR	26.30	-2.95%	-0.81	6.12
GAS	75.40	-2.08%	-0.79	0.57
VPB	21.20	-1.62%	-0.72	21.42
BVH	62.40	-5.88%	-0.57	0.97

Top 5 tác động tăng HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
NTP	55.00	+2.61%	+0.17	0.29
THD	90.80	+0.78%	+0.16	0.00
IDC	33.20	+1.84%	+0.15	0.36
PGS	80.00	+6.67%	+0.15	0.00
MBS	15.00	+0.67%	+0.06	3.37

Top 5 tác động giảm HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
KSF	68.30	-1.44%	-0.51	0.06
BCF	33.00	-5.44%	-0.04	0.00
SCG	63.60	-0.78%	-0.02	0.02
TFC	37.50	-6.48%	-0.02	0.00
VNR	17.40	-1.14%	-0.02	0.01

Top 5 tác động tăng VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
HPG	21.25	+4.17%	+7.92	32.66
STB	66.60	+2.30%	+2.08	5.54
FPT	50.40	+0.40%	+0.52	9.31
MBB	18.90	+0.80%	+0.46	21.76
VNM	56.30	+0.54%	+0.45	1.91

Top 5 tác động giảm VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIC	234.00	-3.31%	-7.40	1.92
VPB	21.20	-1.62%	-1.14	21.42
BSR	26.30	-2.95%	-0.55	6.12
GAS	75.40	-2.08%	-0.33	0.57
HDB	21.80	-0.46%	-0.30	14.69

Top 5 tăng mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
SMA	7.49	+7.00%	0.87
SGT	9.38	+6.96%	0.11
GMH	6.27	+6.27%	0.00
LAF	19.00	+6.15%	0.00
GIL	9.00	+5.88%	0.23

Top 5 giảm mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
TCO	9.30	-7.00%	2.10
DVV	48.30	-6.94%	0.51
HRC	31.55	-6.93%	0.00
ITD	9.68	-6.92%	0.02
CRE	4.18	-6.90%	0.54

Top 5 tăng mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
MAC	14.30	+10.00%	0.10
VLA	5.50	+10.00%	0.00
CAR	97.10	+9.97%	0.00
HEV	7.80	+9.86%	0.00
D11	12.70	+9.48%	0.09

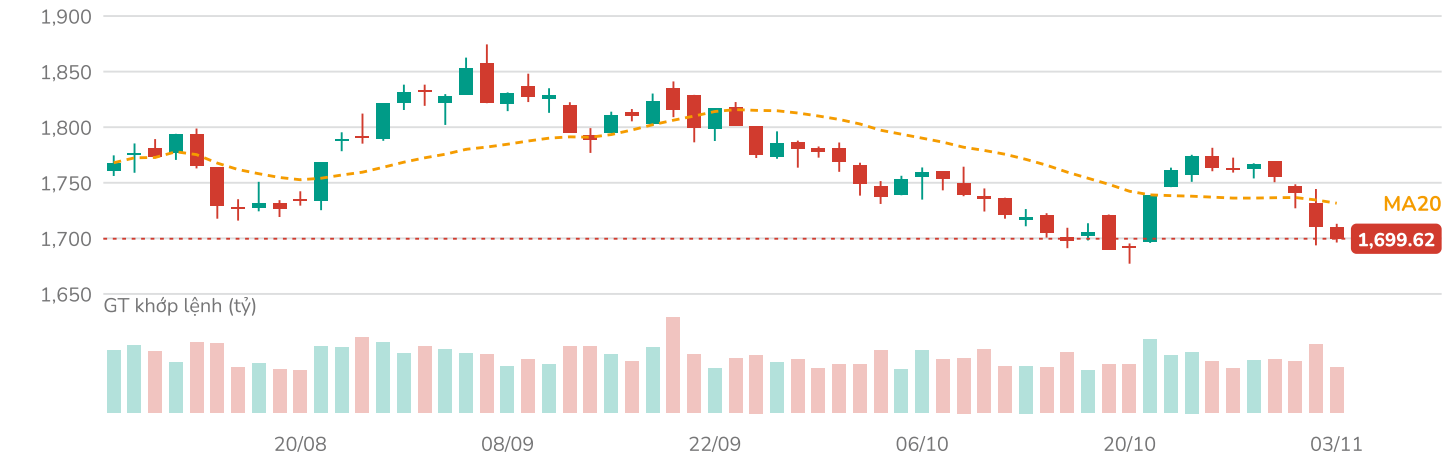
Top 5 giảm mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
SPC	8.20	-9.89%	0.00
DST	5.60	-9.68%	0.14
NAP	8.30	-8.79%	0.00
TXM	3.50	-7.89%	0.00
SMT	8.20	-7.87%	0.00

Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, BSC tổng hợp; điểm đóng góp theo Bloomberg (MOV). Giá: nghìn VND.
Top tăng/giảm mạnh nhất chỉ xét các mã có giao dịch trong phiên.
Index pt: số điểm mà từng cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm của chỉ số trong phiên (dương là kéo chỉ số tăng, âm là kéo giảm).

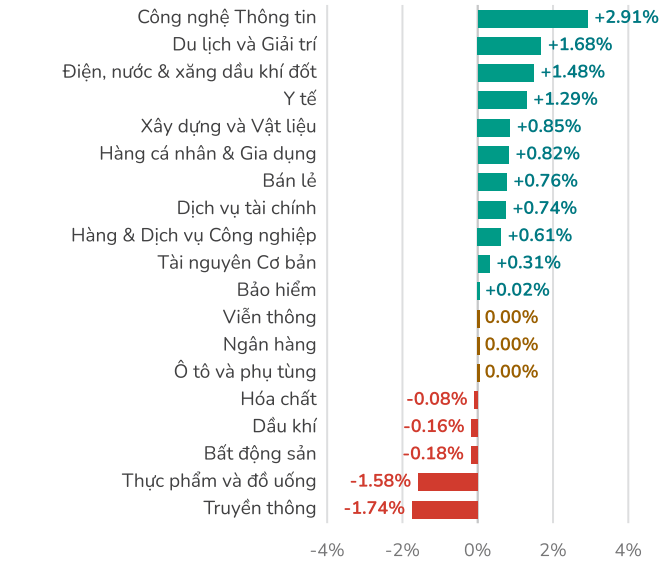
Biểu đồ & dòng tiền

VN-Index 60 phiên



MA20 = 1,731.59 TB20 GT khớp lệnh: 12,622 tỷ

Diễn biến ngành cấp 2

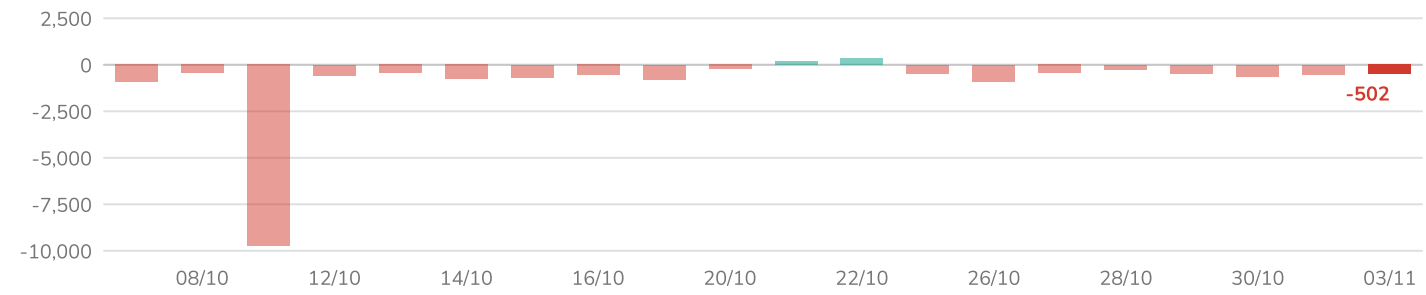


Dòng tiền theo ngành & nhóm vốn hoá

Bảng 1 · Theo ngành Top 10 theo giá trị khối ngoại ròng · tỷ VND

NGÀNH	%1D	GTGD	NN RÒNG
Dịch vụ tài chính	+0.74%	158	6.1
Hàng cá nhân & Gia dụng	+0.82%	12	4.1
Bất động sản	-0.18%	121	2.0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	+0.61%	9	-0.0
Hóa chất	-0.08%	21	-0.0
Ngân hàng	0.00%	11	-0.3
Ô tô và phụ tùng	0.00%	59	-0.3
Tài nguyên Cơ bản	+0.31%	21	-0.9
Xây dựng và Vật liệu	+0.85%	48	-1.0
Dầu khí	-0.16%	49	-2.6

Khối ngoại ròng HOSE 20 phiên (tỷ VND)



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Danh mục BSC30

Diễn biến BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.56%**. Các mã diễn biến tích cực: HPG (+4.17%), HSG (+3.88%), MSB (+2.86%).
- BSC50 **+0.15%**. Các mã diễn biến tích cực: DPG (+4.92%), OCB (+4.43%), NKG (+3.42%).

HIỆU SUẤT	BSC30	BSC50	VN-INDEX	VN30
1 ngày	+0.56%	+0.15%	-0.65%	+0.12%
1 tuần	-3.77%	-4.50%	-3.53%	-3.86%
1 tháng	-2.41%	-2.15%	-3.38%	-4.38%
3 tháng	-3.70%	-5.35%	-4.37%	-5.80%

Nguồn: BSC, FiinPro-X.

Hiệu suất tích luỹ



Nguồn: BSC, FiinPro-X.

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	GIÁ MT	NN SH	BC
MWG	Bán lẻ	72.3	-0.14%	1.1	106,693	182.8	7,556	9.6	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	26.2	+1.16%	1.2	24,721	46.9	1,859	14.1	42.4	6.2%	Link
KDH	Bất động sản	13.0	-2.26%	1.1	16,189	158.6	1,375	9.5	39.9	23.0%	Link
PDR	Bất động sản	11.1	-0.90%	1.3	11,026	54.6	540	20.4	28.2	7.0%	Link
VHM	Bất động sản	61.9	-0.16%	1.4	508,498	411.4	12,039	5.1	132.6	6.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	50.4	+0.40%	0.7	95,041	468.6	5,479	9.2	124.4	26.6%	Link
BSR	Dầu khí	26.3	-2.95%	–	131,692	162.9	5,584	4.7	–	1.5%	Link
PVS	Dầu khí	29.8	0.00%	0.8	18,288	43.6	3,417	8.7	52.3	15.3%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.6	+1.94%	1.1	32,378	69.9	1,066	22.1	–	34.3%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	19.1	+1.59%	1.2	57,475	396.9	1,554	12.3	–	29.8%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	18.9	+2.71%	1.1	21,835	238.6	1,249	15.2	–	14.6%	Link
DCM	Hóa chất	32.6	+1.40%	0.7	17,285	36.3	5,132	6.4	53.3	7.2%	Link
DGC	Hóa chất	32.9	+0.46%	1.1	12,476	4.7	4,883	6.7	96.7	2.6%	Link
ACB	Ngân hàng	20.2	-0.25%	0.8	117,540	214.2	2,773	7.3	27.1	22.2%	Link
BID	Ngân hàng	31.7	-0.94%	0.9	246,570	160.4	4,524	7.0	–	17.3%	Link
CTG	Ngân hàng	30.1	+1.01%	1.0	233,397	195.1	5,479	5.5	53.5	24.4%	Link
HDB	Ngân hàng	21.8	-0.46%	0.9	141,850	320.2	2,932	7.4	32.7	19.3%	Link
MBB	Ngân hàng	18.9	+0.80%	0.9	190,299	406.2	3,507	5.4	32.4	22.3%	Link
MSB	Ngân hàng	16.2	+2.86%	0.7	60,653	248.4	1,673	9.7	14.0	6.2%	Link
STB	Ngân hàng	66.6	+2.30%	0.8	125,555	354.8	809	82.3	–	10.3%	Link
TCB	Ngân hàng	21.4	0.00%	1.1	227,468	355.2	2,694	7.9	43.5	20.8%	Link
TPB	Ngân hàng	12.5	-0.79%	1.1	39,877	129.3	2,649	4.7	–	21.7%	Link
VCB	Ngân hàng	53.5	-0.19%	0.9	447,029	482.1	4,986	10.7	–	19.9%	Link
VIB	Ngân hàng	13.9	+2.21%	0.7	51,922	120.6	2,071	6.7	23.0	3.9%	Link
VPB	Ngân hàng	21.2	-1.62%	1.2	212,000	466.9	3,118	6.8	36.5	22.3%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	15.2	0.00%	0.9	6,552	71.6	2,348	6.5	28.8	1.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	69.4	0.00%	1.1	101,350	164.7	6,243	11.1	100.4	24.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.3	+0.54%	0.5	117,664	107.2	5,455	10.3	78.0	49.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	21.2	+4.17%	1.0	179,413	687.3	3,251	6.5	32.2	21.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	10.7	+3.88%	1.1	8,638	33.5	772	13.9	14.3	3.3%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 30 mã.

Danh mục BSC30 gồm 30 công ty có vốn hoá và thanh khoản lớn nhất trên HOSE, HNX và UPCoM, được các chuyên gia BSC chọn lọc theo tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt. Danh mục được BSC công bố định kỳ hàng quý.

Danh mục BSC50

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	NN SH	ROE	BC
DGW	Bán lẻ	38.4	+0.66%	1.1	8,577	39.1	4,269	9.0	28.6%	26.7%	Link
FRT	Bán lẻ	138.3	0.00%	0.7	24,730	77.3	7,598	18.2	33.8%	29.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	62.4	-5.88%	0.8	46,321	62.2	4,560	13.7	27.4%	13.3%	Link
DIG	Bất động sản	9.5	+0.11%	1.3	8,020	28.2	776	12.2	2.5%	6.3%	Link
DXG	Bất động sản	9.9	+0.41%	1.2	12,554	44.6	92	108.0	14.9%	0.8%	Link
HDC	Bất động sản	11.8	-1.67%	1.4	2,711	28.6	690	17.1	1.8%	6.6%	Link
IDC	Bất động sản	33.2	+1.84%	1.1	13,859	11.9	4,365	7.6	15.1%	26.8%	Link
NLG	Bất động sản	20.9	-1.18%	1.1	10,139	20.1	1,026	20.4	35.3%	3.8%	Link
SIP	Bất động sản	47.9	+0.95%	0.8	11,597	2.7	5,778	8.3	2.2%	27.1%	Link
SZC	Bất động sản	19.2	+1.32%	1.1	3,465	13.5	891	21.6	1.2%	5.1%	Link
TCH	Bất động sản	11.9	+0.84%	1.4	11,990	42.7	793	15.1	9.7%	6.8%	Link
VIC	Bất động sản	234.0	-3.31%	1.4	1,816,352	453.8	5,557	42.1	3.1%	26.1%	Link
VRE	Bất động sản	23.1	+0.87%	1.2	52,604	47.0	3,255	7.1	11.1%	14.9%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	17.5	-1.69%	0.9	4,076	6.7	1,687	10.4	35.6%	11.9%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	132.2	-0.08%	0.8	101,674	118.4	2,866	46.1	5.2%	8.5%	Link
PLX	Dầu khí	33.0	0.00%	0.6	42,698	52.6	3,022	10.9	14.3%	14.6%	Link
PVD	Dầu khí	17.4	-1.41%	0.7	16,189	103.3	976	17.9	8.2%	5.3%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	18.6	+1.92%	1.1	7,085	13.0	1,054	17.6	24.7%	9.0%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	15.0	+0.67%	1.1	15,014	50.6	1,562	9.6	0.4%	12.3%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.5	-1.15%	1.6	28,132	196.7	762	28.2	6.0%	5.2%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	49.7	-1.97%	0.9	32,272	549.1	4,184	11.9	37.8%	19.7%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	46.2	-4.25%	0.9	8,863	36.8	6,594	7.0	3.5%	25.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.8	+0.97%	0.5	10,752	70.7	2,977	7.0	16.2%	16.6%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	45.3	+0.55%	0.8	9,145	13.9	2,174	20.8	3.9%	18.0%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	14.8	-5.45%	1.5	7,548	122.6	3,302	4.5	26.5%	12.4%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	14.7	+0.34%	0.9	1,729	9.7	1,741	8.4	48.2%	8.4%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.1	+2.84%	1.0	2,330	10.8	3,692	4.9	22.2%	23.6%	Link
DPM	Hóa chất	19.2	-0.52%	0.7	13,089	25.5	2,320	8.3	3.1%	13.8%	Link
GVR	Hóa chất	29.6	+1.72%	1.3	118,400	31.2	2,111	14.0	0.5%	14.1%	Link
EIB	Ngân hàng	16.1	0.00%	1.2	29,897	117.6	103	156.4	0.9%	0.7%	Link
LPB	Ngân hàng	34.7	+0.58%	0.5	103,659	558.0	4,048	8.6	1.4%	26.0%	Link
NAB	Ngân hàng	12.6	+0.40%	0.5	27,201	26.1	2,365	5.3	1.0%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	10.6	+4.43%	0.7	32,463	30.0	1,482	7.2	18.9%	12.8%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.9	+1.81%	1.1	4,500	14.9	2,961	5.7	1.7%	20.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	30.8	+1.32%	0.5	12,485	73.7	253	121.8	3.0%	2.2%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	42.0	+0.60%	0.3	53,803	8.2	3,623	11.6	58.8%	22.2%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	48.0	+1.16%	0.9	10,064	20.1	5,503	8.7	17.5%	12.8%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.1	+3.42%	1.1	5,957	93.6	494	24.5	5.1%	3.2%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	135.3	-0.66%	0.5	11,076	15.9	15,292	8.8	82.0%	41.4%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	65.5	+2.66%	1.0	7,324	50.5	7,145	9.2	46.8%	8.3%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	65.6	-0.15%	0.9	8,404	7.9	5,223	12.6	5.4%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	30.9	+4.92%	1.0	3,664	25.7	3,735	8.3	18.5%	15.0%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	9.3	+1.09%	0.9	5,326	40.8	1,241	7.5	10.1%	6.1%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	18.4	-0.81%	0.9	7,547	9.2	2,705	6.8	8.3%	16.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	15.2	+0.66%	0.9	10,612	27.4	1,607	9.5	2.1%	9.7%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	40.0	+0.76%	1.2	17,934	7.1	4,003	10.0	0.9%	20.6%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	75.4	-2.08%	0.9	181,936	43.2	6,110	12.3	2.1%	21.2%	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.7	+0.34%	1.1	5,962	7.9	1,999	7.3	15.6%	11.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.0	-0.41%	1.0	36,814	40.6	2,353	5.1	4.1%	17.9%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	44.9	-0.22%	0.4	27,959	8.2	4,420	10.2	49.0%	12.8%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 50 mã.

Danh sách các báo cáo BSC đã phát hành gần đây

STT	TÊN BÁO CÁO	PHÂN TÍCH VĨ MÔ	PHÂN TÍCH NGÀNH	LINK BÁO CÁO
1	BSC Navigator | 10.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
2	BSC Navigator | T09.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
3	BSC Navigator | T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Xem
4	BSC Insight | Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Xem
5	BSC Insight | Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		–
6	BSC Navigator | T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Xem
7	BSC Navigator | T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Xem
8	BSC Navigator | T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Xem
9	BSC Navigator | T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Xem
10	BSC Insight | FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Xem
11	BSC Navigator | 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Xem
12	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
13	BSC Insight | Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Xem
14	BSC Navigator | T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Xem
15	BSC Navigator | T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Xem
16	BSC Navigator | 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Xem
17	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
18	BSC Navigator | T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Xem
19	BSC Navigator | T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Xem
20	BSC Navigator | T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Xem
21	BSC Insight | Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Xem
22	BSC Navigator | T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Xem
23	BSC Navigator | T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Xem
24	Equity 360 | Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Xem

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách
Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú
Trưởng nhóm
Ngành - Doanh nghiệp
Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung
Trưởng nhóm
Định lượng
Trungd@bsc.com.vn

NHÓM VĨ MÔ THỊ TRƯỜNG

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660 Khu vực miền Nam: (028) 38218 889 Website: http://www.bsc.com.vn